TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TUY HÒA** **TỈNH PHÚ YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **81**/2021/DS-ST
Ngày: 10 – 11 - 2021
"V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUY HÒA, TỈNH PHÚ YÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Ngọc Uyên.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lương Công Hạnh và ông Trần Ngọc Hoàng.

Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Thanh Nguyệt – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa tham gia phiên tòa: Ông Trương Đức Cảnh– Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 11 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 68/2021/TLST-DS ngày 13/5/2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 97/2021/QĐXXST-DS ngày 23/6/2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 104/2021/QĐST-DS ngày 21/10/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị M, sinh năm 1968; địa chỉ: đường T, Phường X, thành phố Y, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1979, địa chỉ thường trú: đường TĐ, Phường M, thành phố Y, tỉnh Phú Yên; Địa chỉ tạm trú: Đường N, Phường T1, Tp. Y, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn Lê Thị M trình bày: Bà M cho bà H mượn số tiền 50.000.000 đồng vào ngày 26/02/2019 (tức ngày 22/01 ÂL), sau đó đến ngày 22/4 ÂL năm 2019, bà H có mượn tiếp 50.000.000 đồng, ngày 11/5 ÂL mượn tiếp 100.000.000 đồng. Tổng cộng là 200.000.000 đồng. Đến ngày 04/10/2019, bà H trả cho Bà M 100.000.000 đồng, còn nợ lại 100.000.000 đồng. Ngày 21/10/2019 ÂL, bà H mượn tiếp 50.000.000 đồng, ngày 23/10/2019 ÂL mượn tiếp 50.000.000 đồng. Tính tổng nợ đến nay là 200.000.000 đồng. Bà H không chịu trả nợ.

Tại đơn khởi kiện bổ sung ngày 20/5/2021, Bà M có trình bày: "Trong thời gian mượn tiền thì Bà M và bà H có thỏa thuận bằng miệng cứ đúng vào ngày mượn tiền của từng đợt số tiền mượn thì bà Hsẽ trả lãi cho Bà M với lãi suất là 10%/năm tính theo số tiền mượn. Các khoản mượn trước đây đã trả đủ tiền lãi. Trong thời gian mượn tiền thì bà H có tiền thì đem trả bớt, sau cần tiền thì mượn lại cho đến ngày 23/3/2020 ÂL thì bà H không trả lãi nữa, Bà M tìm đến nhà không gặp và không liên lạc được với bà H. Bà M yêu cầu tính lãi kể từ ngày

23/3/2020 ÂL. Từ ngày mượn cuối cùng 23/10/2019 ÂL đến ngày 23/3/2020 ÂL bà H trả lãi đều đặn, mỗi tháng 2.000.000 đồng x 5 tháng = 10.000.000 đồng. Từ ngày 23/3/2010 ÂL, bà H không tiếp tục trả lãi và cũng không trả cho bà M số tiền nợ 200.000.000 đồng. Do đó, bà M yêu cầu trả lãi từ ngày 23/3/2020".

Tuy nhiên, bà H không đến Tòa để hòa giải, bà M cũng không biết hiện nay bà H ở đâu và làm gì, tiền cũng không trả nên bà M không yêu cầu tính lãi từ ngày 23/3/2020 ÂL, yêu cầu thời gian trả lãi sẽ tính từ ngày Tòa án nhận đơn khởi kiện của bà M cho đến khi bà H trả xong nợ cho bà. Lãi suất yêu cầu tính theo quy định pháp luật.

*Về địa chỉ của bị đơn: Tại thời điểm bà H mượn tiền có ghi cụ thể địa chỉ Đường N, Phường T1, Tp. Y, tỉnh Phú Yên. Tại thời điểm bà M cho mượn tiền thì bà H ở căn nhà này, tuy nhiên bà H đã bán nhà này và đi đâu bà M không biết. Do đó, yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà.

Bị đơn Nguyễn Thị H vắng mặt nên không có lời trình bày.

Tại biên bản xác minh ngày 02/6/2021 tại Công an Phường T1, Tp. Y xác định bà Nguyễn Thị H đăng ký tạm trú tại địa chỉ Đường N, Phường T1, Tp. Y, tỉnh Phú Yên từ năm 2016 nhưng đã chuyển đi, không còn sinh sống tại địa phương, đi đâu làm gì thì địa phương không rõ. Địa chỉ thường trú của bà H tại đường TĐ, Phường M, thành phố Y, tỉnh Phú Yên.

Tại Biên bản xác minh ngày 03/6/2021 tại Công an M, thành phố Y xác định bà Nguyễn Thị H có địa chỉ thường trú tại đường TĐ, Phường M, thành phố Y, tỉnh Phú Yên nhưng bà H không có mặt tại địa phương.

Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ và hòa giải để các đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án nhưng bị đơn Nguyễn Thị H vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được. Tòa án đã tiến hành niêm yết Thông báo thụ lý, Giấy triệu tập, các quyết định, thông báo của Tòa tại địa chỉ của bị đơn theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt, giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bị đơn Nguyễn Thị H trả lại số tiền gốc 200.000.000 đồng, lãi suất theo quy định pháp luật, thời gian tính lãi từ ngày khởi kiện tại Tòa cho đến khi trả xong nợ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn Lê Thị M vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn Nguyễn Thị H vắng mặt phải chịu hậu quả pháp lý theo quy định của pháp luật. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 469 Bộ luật Dân sự 2015 chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn Nguyễn Thị H phải trả số nợ gốc 200.000.000 đồng và lãi vay theo quy định pháp

luật là 10%/năm, thời gian tính lãi tính từ ngày khởi kiện 06/5/2021 cho đến khi trả hết nợ. Bị đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn Lê Thị M khởi kiện yêu cầu bị đơn Nguyễn Thị H phải trả số tiền 200.000.000 đồng và lãi phát sinh theo quy định pháp luật. Xét đây là tranh chấp Hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn Nguyễn Thị H có địa chỉ tại Đường N, Phường T1, Tp. Y, do đó, Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa thụ lý và giải quyết theo thẩm quyền quy định tại khoản 3, Điều 26, điểm a, khoản 1 Điều 35, điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Tại đơn khởi kiện, nguyên đơn đã cung cấp đúng địa chỉ bị đơn tại Đường N, Phường T1, Tp. Y, tỉnh Phú Yên theo Giấy mượn tiền thỏa thuận giữa hai bên. Biên bản xác minh ngày 02/6/2021 tại Công an Phường T1, Tp. Y xác định bị đơn Nguyễn Thị H có hộ khẩu thường trú tại số đường TĐ, Phường M, thành phố Y, tỉnh Phú Yên, chỉ tạm trú tại Đường N, Phường T1, Tp. Y, tỉnh Phú Yên từ năm 2016 nhưng hiện nay không cư trú tại địa chỉ tạm trú này. Bị đơn thay đổi nơi cư trú nhưng không báo cho nguyên đơn nên coi đây là trường hợp giấu địa chỉ, TAND thành phố Tuy Hòa thụ lý, giải quyết, tiến hành thủ tục tống đạt, niêm yết công khai các văn bản tố tụng theo đúng quy định pháp luật. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn Nguyễn Thị H theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 5, 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

[3] Nguyên đơn Lê Thị M cung cấp Giấy mượn tiền bản gốc ghi nội dung mượn tiền cụ thể: Ngày 26/02/2019 (tức ngày 22/01 ÂL), Bà M cho bà H mượn 50.000.000 đồng; ngày 22/4 ÂL, bà H mượn tiếp 50.000.000 đồng, ngày 11/5 ÂL mượn tiếp 100.000.000 đồng. Tổng cộng là 200.000.000 đồng. Đến ngày 04/10, bà H trả cho Bà M 100.000.000 đồng, còn nợ lại 100.000.000 đồng. Ngày 21/10/2019 ÂL, bà H mượn tiếp 50.000.000 đồng, ngày 23/10/2019 ÂL mượn tiếp 50.000.000 đồng. Tính tổng nợ đến nay là 200.000.000 đồng. Phía dưới mỗi ngày nhận nợ, đều có chữ ký và ghi rõ họ tên Nguyễn Thị H.

Bị đơn Nguyễn Thị H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến tham gia tố tụng, không có lời trình bày ý kiến tại Tòa nên phải chịu hậu quả pháp lý về sự vắng mặt của mình. Nguyên đơn đã nhiều lần yêu cầu trả nợ nhưng bị đơn Hương không trả nên đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Do đó, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn Nguyễn Thị H phải trả số nợ gốc 200.000.000 đồng cho nguyên đơn.

[4] Lãi suất: Xét tại giấy mượn tiền nêu trên, các đương sự không thỏa thuận lãi suất, thời gian trả lãi và thời gian trả nợ. Nguyên đơn trình bày giữa nguyên đơn và bị đơn có thỏa thuận miệng lãi suất 10%/năm tính theo số tiền mượn. Thời gian trả nợ không thỏa thuận cụ thể. Bị đơn vắng mặt, không đến Tòa trình bày ý kiến nên không có căn cứ chứng minh lời trình bày của nguyên đơn là có cơ sở. Xét đây là tranh chấp Hợp đồng vay tài sản, không thỏa thuận lãi suất và thời hạn trả nợ nên xác định là Hợp đồng vay không kỳ hạn và không có lãi. Nguyên đơn yêu cầu tính lãi nên có cơ sở chấp nhận mức lãi suất là 10%/năm theo quy định tại khoản 4 Điều 466 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

[5] Thời gian tính lãi: Tại đơn kiện bổ sung ngày 20/5/2021, nguyên đơn yêu cầu tính lãi đối với số tiền vay 200.000.000 đồng từ ngày 23/3/2020 cho đến khi hết nợ. Theo quy định tại khoản 1 Điều 469 BLDS thì: "*Đối với Hợp đồng vay không kỳ hạn và không có lãi thì bên cho vay có quyền đòi lại tài sản và bên vay cũng có quyền trả nợ vào bất cứ lúc nào, nhưng phải báo cho nhau biết trước một thời gian hợp lý, trừ trường hợp có thỏa thuận khác…"*. Nguyên đơn yêu cầu tính lãi từ ngày 23/3/2020 ÂL nhưng không có chứng cứ chứng minh, bị đơn không đến Tòa làm việc để xác nhận thời gian tính lãi nên không có căn cứ chấp nhận. Tại phiên hòa giải và các văn bản xin xét xử vắng mặt, nguyên đơn thay đổi thời gian tính lãi, yêu cầu tính lãi từ ngày khởi kiện, xét việc thay đổi yêu cầu là không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên chấp nhận. Xác định ngày 06/5/2021 là ngày Tòa án nhận được đơn khởi kiện của nguyên đơn, là ngày bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ, bị nguyên đơn khởi kiện. Do đó, thời gian tính lãi đối với số nợ gốc 200.000.000 đồng và lãi quá hạn phát sinh tính từ ngày 06/5/2021 cho đến thời điểm trả nợ là ngày Tòa án xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 5, điểm a, khoản 3 Điều 6 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán TAND tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

[6] Khoản tiền lãi được tính cụ thể như sau: Lãi trên nợ gốc quá hạn (Tính từ ngày 06/5/2021 đến ngày 10/11/2021) = 200.000.000 đồng x 10%/năm (0,83%/tháng) x 06 tháng 04 ngày = 10.222.222 đồng.

[7] Như vậy, bị đơn H phải trả cho nguyên đơn tổng số tiền 210.222.222 đồng trong đó nợ gốc là 200.000.000 đồng, nợ lãi trên nợ gốc quá hạn là 10.222.222 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[8] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa là có căn cứ nên chấp nhận.

Về án phí: Hoàn lại cho nguyên đơn tạm ứng án phí đã nộp. Bị đơn Nguyễn Thị H phải chịu án phí đối theo quy định của pháp luật;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Khoản 3 Điều 26, điểm a, khoản 1, Điều 35 và khoản 1 Điều 39, điểm b, khoản 2, Điều 227, Điều 144, Điều 147, Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 357; Điều 463; Điều 466, Điều 468 và Điều 469 Bộ luật Dân sự 2015; khoản 1 Điều 5, Điều 6, Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/1/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Lê Thị M; Buộc bị đơn Nguyễn Thị H phải trả cho nguyên đơn số tiền 210. 222.222 đồng trong đó nợ gốc là 200.000.000 đồng, nợ lãi trên nợ gốc quá hạn là 10.222.222 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Bị đơn Nguyễn Thị H phải chịu 10.511.111 đồng (Mười triệu năm trăm mười một nghìn một trăm mười một đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho nguyên đơn Lê Thị M số tiền 5.000.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tại Biên lai thu tiền số 0004555 ngày 13/5/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.

Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a; 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND TP. Tuy Hòa;
- Chi cục THADS TP. Tuy Hòa;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đặng Thị Ngọc Uyên

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN –
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA